

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN G- TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 23/2018/HNGĐ- ST

Ngày 26 tháng 10 năm 2018

V/v Tranh chấp hôn nhân và gia đình

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Phong

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Mạnh D

2. Ông Nguyễn Tùng S

Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Thị H–Thư ký Tòa án nhân dân huyện G.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị L– Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 10 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, tỉnh Bắc Ninh mở phiên tòa công khai xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 99/2018/TLST-HNGĐ ngày 08 tháng 6 năm 2018 về “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 11 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q), sinh năm 1979.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện G, Bắc Ninh. Có mặt.

2. Bị đơn: Chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1977.

Địa chỉ: Thôn K, xã N, huyện G, Bắc Ninh. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản ghi lời khai nguyên đơn là anh Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q) trình bày: Anh kết hôn với chị Nguyễn Thị T vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện tìm hiểu, không bị ai ép buộc và có đăng ký kết hôn tại UBND xã có thẩm quyền. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, Hạnh phúc. Quá trình chung sống vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn do làm ăn kinh tế. Mặc dù đã được gia đình hai bên hòa giải nhiều lần nhưng không có kết quả. Đến thời điểm hiện tại anh và chị T đã sống ly thân. Nay xét thấy tình

cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung vợ chồng có hai con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 19/3/2002 và cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 17/11/2013. Khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả hai con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi con. Chị T được quyền đi lại thăm nom con chung.

Về tài sản chung và công nợ anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, biên bản ghi lời khai của chị T, chị T trình bày thống nhất với anh Q về thời điểm kết hôn, chị T xác nhận chị và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo đúng quy định pháp luật. Sau ngày cưới vợ chồng về chung sống cùng nhau ngay, vợ chồng chung sống hòa thuận, H phúc, từ trước đến nay không có mâu thuẫn gì. Chị T xác nhận hiện nay chị và anh Q đã sống ly thân. Tuy nhiên, chị xác định tình cảm vợ chồng với anh Q vẫn còn, vẫn có thể hàn gắn được và vì các con nên chị không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Chị T xác nhận giữa chị và anh Q có hai con chung như anh Q trình bày là đúng, khi ly hôn anh Q xin được nuôi dưỡng cả hai con chung chị không đồng ý, chị đề nghị Tòa án giải quyết vấn đề con chung theo nguyện vọng của các cháu. Nếu chị nuôi dưỡng cả hai con chung thì yêu cầu anh Q phải cấp dưỡng nuôi con theo pháp luật. Nếu chị và anh Q mỗi người nuôi một con chung thì chị không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa anh Q vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị T. Do chị T không đồng ý để anh nuôi dưỡng cả hai con chung, nên anh xin được nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 19/3/2002, vì cháu M đã trên 07 tuổi và cháu có nguyện vọng được ở với bố. Đối với cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 17/11/2013 do cháu còn nhỏ nên để chị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con anh không yêu cầu.

Tại phiên tòa chị T không đồng ý ly hôn, về vấn đề con chung chị đề nghị giải quyết theo pháp luật.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng, đủ theo quy định của pháp luật. Đối với việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong quá trình giải quyết vụ án là đầy đủ, đúng pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị HĐXX áp dụng Điều 51; Điều 53; Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình:

Về quan hệ hôn nhân: Xứ anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác Nguyễn Xuân Q) được ly hôn với chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Áp dụng Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình giao cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 19/3/2002 cho anh Nguyễn Văn Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục, giao cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 17/11/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Về tài sản chung và công nợ không đặt ra xem xét.

Về án phí: Áp dụng Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Anh Nguyễn Văn Q phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác Nguyễn Xuân Q) kết hôn trên cơ sở tự nguyện và được UBND xã N, G, Bắc Ninh cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định của pháp luật nên là hôn nhân hợp pháp. Sau khi cưới anh chị về chung sống cùng nhau ngay, thời gian đầu vợ chồng hòa thuận, H phúc. Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay anh Q cho rằng vợ chồng nảy sinh nhiều mâu thuẫn, đặc biệt là mâu thuẫn trong làm ăn kinh tế, anh chị không tìm được tiếng nói chung và hiện nay đã sống ly thân do vậy, quan hệ tình cảm không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Lời trình bày của anh Q phù hợp với lời trình bày của mẹ anh Q là bà Lê Thị H. Đồng thời, Tòa án cũng đã tiến hành xác minh tại địa phương xác định mâu thuẫn vợ chồng là có thật, hiện nay anh Q và chị T đã sống ly thân. Chị T cho rằng tình cảm vợ chồng vẫn còn, nhưng cũng không đưa ra được phương án nào để vợ chồng về đoàn tụ. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải nhưng đều không có kết quả. Xét thấy, đời sống chung vợ chồng đã không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình: Nên chấp đơn xin ly hôn của anh Nguyễn Văn Q là phù hợp.

Về con chung: Tại phiên tòa anh Q xin được nuôi dưỡng cháu M, chị T đề nghị Tòa án giải quyết con chung theo nguyện vọng của các cháu và xin được nuôi dưỡng cháu H vì hiện nay cháu H còn nhỏ cần nhiều đến sự quan tâm chăm sóc của người mẹ.

Xét thấy cháu M đã trên 7 tuổi và đã có đơn trình bày nguyện vọng được ở với bố, cháu H mới hơn 04 tuổi, hiện nay đang ở với mẹ. Do vậy, cần giao cháu M cho anh Q trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục, giao cháu H cho chị T trực tiếp

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp với nguyện vọng cũng như khả năng điều kiện nuôi dưỡng con chung của cháu M, cũng như anh Q, chị T.

Do mỗi người nuôi dưỡng một con chung, anh Q, chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên HĐXX không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung và công nợ: Các bên đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

Về án phí: Anh Nguyễn Văn Q (Nguyễn Xuân Q) phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Xét ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa là có cơ sở nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng Điều 51; 53, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội; Xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Văn Q (tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q) được ly hôn chị Nguyễn Thị T.

Về con chung: Giao con chung là cháu Nguyễn Thị M, sinh ngày 19/3/2002 cho anh Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q) trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Giao con chung là cháu Nguyễn Thị Quỳnh H, sinh ngày 17/11/2013 cho chị Nguyễn Thị T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Q, chị T được quyền đi lại thăm nom con chung mà không ai được cản trở. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét.

Về án phí: Buộc anh Nguyễn Văn Q (Tên gọi khác: Nguyễn Xuân Q) phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền số AA/2015/0001332 ngày 08 tháng 6 năm 2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện G.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKS huyện G;
- Nguyên đơn;
- Bị đơn;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**
Đã ký

Nguyễn Văn Phong

**HỘI THẨM NHÂN DÂN
TÒA**

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Nội nhện :

- *Tổn ,n tØnh;*
- *VKSND huyÖn;*
- *Chi côc T.H.A d©n sù huyÖn;*
- *Những người TGTT;*
- *L-u HSVA- VPTA.*

**T/m húi ®ảg xĐt xö s¬ thÈm
ThÈm ph,n - Chñ to¹ phi²n toµ**

Nơi nhận :

- *Toà án tỉnh;*
- *VKSND huyện;*
- *Chi cục T.H.A dân sự huyện;*
- *Những người TGT;*
- *L- u HSVA- VPTA.*

T/m hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa